

Số: **223** /KL-TTr

Hà Nội, ngày **16** tháng 9 năm 2022

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc thực hiện pháp luật bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu và Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở

Thực hiện Quyết định số 304/QĐ-TTr ngày 18/7/2022 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu và Trung tâm dịch vụ việc làm thuộc Sở; từ ngày 28/7/2022 đến ngày 01/8/2022 và ngày 25/8/2022, Đoàn thanh tra tiến hành thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp (sau đây viết tắt là BHTN) tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Sở) và Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Trung tâm), thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2021 đến thời điểm thanh tra.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 09/9/2022 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về địa phương

Tỉnh Bạc Liêu có diện tích tự nhiên 2.667,88 km² với bờ biển dài 56 km, dân số 918.510 người. Toàn tỉnh có 07 đơn vị hành chính cấp huyện, 64 đơn vị hành chính cấp xã, 512 khóm, ấp.

Tỉnh có lực lượng lao động là 482.550 người; có 1.624 doanh nghiệp với tổng số 34.132 lao động (trong đó: 04 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước với tổng số 366 lao động, 13 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số 3.332 lao động, 1.607 doanh nghiệp tư nhân với tổng số 30.434 lao động).

Số lượng đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có sử dụng lao động tại địa phương là 2.377 đơn vị với tổng số 46.754 viên chức, người lao động. Tính đến tháng 6/2022, số đơn vị, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã tham gia BHTN là 1.107 đơn vị. Số người đã tham gia BHTN trên địa bàn là 33.108 người.

2. Thông tin chung về Sở và Trung tâm

2.1. Cơ cấu tổ chức của Sở

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bạc Liêu là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội

(BHXH); an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, 03 Phó giám đốc, 06 phòng chuyên môn (Văn phòng, Thanh tra, Phòng Người có công, Phòng Lao động - Việc làm - Giáo dục nghề nghiệp, Phòng Bảo trợ xã hội - Trẻ em và Bình đẳng giới, Phòng Phòng, chống tệ nạn xã hội); 05 đơn vị trực thuộc Sở (Trung tâm Dịch vụ việc làm, Trung tâm Bảo trợ xã hội, Cơ sở cai nghiện ma túy, Quỹ Bảo trợ trẻ em, Ban Quản trang).

2.2. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

- Trung tâm được thành lập năm 1997, là đơn vị sự nghiệp công lập có thu, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở, có chức năng tư vấn về việc làm, học nghề, các chính sách có liên quan đến quan hệ lao động theo quy định của pháp luật; thông tin, tuyên truyền chính sách về BHTN, giới thiệu việc làm cho người lao động; thu thập, phân tích, cung cấp thông tin về thị trường lao động và cập nhật biến động phân cung lao động, tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký hưởng BHTN, xem xét và thực hiện các thủ tục, giải quyết chế độ về BHTN theo quy định của Luật Việc làm.

- Tổng số viên chức, người lao động của Trung tâm là 23 người, trong đó có 12 viên chức, 11 lao động hợp đồng.

- Cơ cấu tổ chức: Giám đốc, 01 Phó giám đốc, bộ phận Hành chính - Tổng hợp: 05 người, bộ phận Thông tin - Thị trường lao động: 04 người, bộ phận Tư vấn - Giới thiệu việc làm và Hỗ trợ dạy nghề: 02 người, bộ phận BHTN: 10 người.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BHTN TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về BHTN

1.1. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN

Sở và Trung tâm đã ban hành và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện chính sách BHTN trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN

Trong thời kỳ thanh tra, Sở và Trung tâm đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về BHTN trên địa bàn, cụ thể:

- Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng tổ chức các phiên giao dịch việc làm nhằm tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về BHTN, tư

vấn giới thiệu việc làm và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

+ Năm 2021: tổ chức 06 phiên giao dịch việc làm với 487 lượt lao động tham gia, phát 487 tờ rơi thông tin tuyên truyền, có 307 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng.

+ 06 tháng đầu năm 2022: tổ chức 11 phiên giao dịch việc làm (01 phiên giao dịch việc làm cấp tỉnh, 03 phiên giao dịch việc làm định kỳ tại Trung tâm, 07 phiên giao dịch việc làm lưu động) với 1.527 lượt lao động tham gia, phát 1.527 tờ rơi thông tin tuyên truyền, có 422 lượt doanh nghiệp tham gia tuyển dụng (10 doanh nghiệp tuyển dụng trực tiếp và 412 doanh nghiệp ủy thác tuyển dụng).

- Trả lời, giải đáp thắc mắc của người sử dụng lao động và người lao động về chính sách BHTN trên trang thông tin điện tử, qua điện thoại của Trung tâm cho 31.233 lượt người lao động (năm 2021 là 17.758 lượt người, 06 tháng đầu năm 2022 là 13.475 lượt người).

- Đưa tin về các chính sách BHTN thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Phát thanh - Truyền hình Bạc Liêu thực hiện 01 phóng sự về hoạt động BHTN; Báo Bạc Liêu đưa tin trên 03 số báo các nội dung cơ bản về chính sách BHTN và trả lời thư bạn đọc; Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố đưa tin 24 lần về hoạt động BHTN.

1.3. Công tác chỉ đạo các đơn vị trực thuộc, trung tâm, các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện chính sách BHTN

Sở đã chỉ đạo Trung tâm thực hiện công tác tuyên truyền về BHTN; bố trí đầy đủ nhân sự và cơ sở vật chất nhằm kịp thời tư vấn về chế độ BHTN, giới thiệu việc làm và học nghề cho người lao động; thực hiện công tác tiếp nhận hồ sơ hưởng BHTN và hỗ trợ học nghề đối với người lao động; thực hiện việc tham mưu ban hành các quyết định hưởng, tạm dừng, chấm dứt hưởng chế độ BHTN đúng thời gian và trình tự, thủ tục theo quy định.

1.4. Phối hợp giữa ngành Lao động - Thương binh và Xã hội với cơ quan bảo hiểm và các cấp, ngành có liên quan trong việc thực hiện chính sách BHTN

- Phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh thực hiện Quy chế phối hợp số 78/QCPh-SLĐTBXH-BHXH ngày 21/4/2016 về thực hiện giải quyết, chi trả chế độ BHTN giữa Trung tâm Dịch vụ việc làm với Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bureau điện tỉnh, đảm bảo việc giải quyết chế độ trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, rà soát tình trạng việc làm của người lao động trong thời gian nộp hồ sơ và thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp để giải quyết chế độ kịp thời.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nắm bắt nhu cầu đào tạo và mức học phí để tư vấn cho người lao động, đồng thời kiểm soát việc thanh toán chi phí hỗ trợ học nghề.

- Phối hợp với các ban, ngành của tỉnh kiểm tra, giám sát tình hình tham gia và thực hiện chính sách BHTN tại các cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp trên

địa bàn tỉnh, giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách BHTN.

1.5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện pháp luật về BHTN

- Trung tâm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, 06 tháng và hàng năm, báo cáo nhanh tình hình thực hiện chính sách pháp luật BHTN về Sở và Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) theo quy định.

- Sở đã thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm về tình hình thực hiện pháp luật BHTN với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

1.6. Lưu trữ hồ sơ về BHTN

Hồ sơ BHTN của người lao động được Trung tâm lưu trữ khoa học, sắp xếp theo thứ tự thời gian, thuận tiện cho việc tra cứu, giải quyết chế độ.

2. Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị và ban hành quyết định về chính sách BHTN

- Số hồ sơ đề nghị hưởng BHTN: 8.407 hồ sơ (năm 2021: 5.019 hồ sơ; 06 tháng đầu năm 2022: 3.388 hồ sơ).

- Số quyết định hưởng BHTN: 8.324 quyết định (năm 2021: 4.300 quyết định; 06 tháng đầu năm 2022: 4.024 quyết định).

- Thời hạn giải quyết hưởng BHTN kể từ ngày nhận đủ hồ sơ: theo quy định tại Nghị định số 28/2015/NĐ-CP, thời gian giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN) trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đăng ký hưởng BHTN. Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, Sở giải quyết hồ sơ hưởng BHTN vào ngày thứ 16 kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ và trả kết quả cho người lao động vào ngày thứ 17.

- Số người chuyển đi địa phương khác hưởng BHTN: 93 người (năm 2021: 28 người; 06 tháng đầu năm 2022: 65 người).

- Số người nhận chuyển hưởng BHTN từ địa phương khác đến: 63 người (năm 2021: 37 người; 06 tháng đầu năm 2022: 26 người).

- Số người tạm dừng hưởng BHTN: 102 người (năm 2021: 59 người; 06 tháng đầu năm 2022: 43 người).

- Số người tiếp tục hưởng BHTN: 22 người (năm 2021: 11 người; 06 tháng đầu năm 2022: 11 người).

- Số người chấm dứt hưởng BHTN: 6.041 người, trong đó:

+ Hết thời hạn hưởng BHTN: 5.806 người (năm 2021: 3.476 người, 06 tháng đầu năm 2022: 2.330 người).

+ Có việc làm: 217 người (năm 2021: 107 người; 06 tháng đầu năm 2022: 110 người).

+ Không thông báo tìm kiếm việc làm trong 03 tháng liên tục: 08 người (năm 2021: 02 người; 06 tháng đầu năm 2022: 06 người).

+ Lý do khác (hưu trí, chết, ra nước ngoài định cư): 10 người (năm 2021: 07 người; 06 tháng đầu năm 2022: 03 người).

- Tổng số tiền hưởng TCTN: 122.408.899.863 đồng (năm 2021: 61.156.617.449 đồng; 06 tháng đầu năm 2022: 61.252.282.414 đồng).

- Số quyết định hủy quyết định hưởng TCTN: 87 quyết định (năm 2021: 50 quyết định; 06 tháng đầu năm 2022: 37 quyết định).

- Đã chuyển đầy đủ 02 sổ BHXH của người lao động cho BHXH tỉnh trong trường hợp sau 03 tháng kể từ ngày hết thời hạn trả kết quả mà người lao động không đến Trung tâm nhận lại sổ BHXH.

- Trong thời kỳ thanh tra, số người có quyết định thu hồi hưởng TCTN là 128 người với số tiền 521.000.000 đồng (năm 2021: 89 người với số tiền 360.000.000 đồng, 06 tháng đầu năm 2022: 39 người với số tiền 161.000.000 đồng), trong đó:

+ Số người đã thu hồi hưởng TCTN là 77 người với số tiền 299.000.000 đồng, cụ thể: năm 2021: 59 người với số tiền 230.000.000 đồng, 06 tháng đầu năm 2022: 18 người với số tiền 69.000.000 đồng.

+ Số người còn phải thu hồi hưởng TCTN là 51 người với số tiền 223.000.000 đồng (năm 2021: 30 người với số tiền 130.000.000 đồng, 06 tháng đầu năm 2022: 21 người với số tiền 93.000.000 đồng), trong đó 03 người thuộc trách nhiệm thu hồi của cơ quan BHXH với số tiền là 8.700.000 đồng (năm 2021: 01 người với số tiền là 3.300.000 đồng, năm 2022: 02 người với số tiền là 5.400.000 đồng).

- Luỹ kế đến thời điểm thanh tra, số chưa thu hồi được là 104 người với số tiền là 466.560.407 đồng (*chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo*).

* Kết quả kiểm tra 250 bộ hồ sơ giải quyết hưởng BHTN còn một số thiếu sót:

- Thông báo về việc tìm kiếm việc làm chưa thực hiện theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH.

- Một số hồ sơ chỉ tích vào ô không có việc làm mà chưa ghi cụ thể quá trình tìm kiếm việc làm của người lao động tại Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng (Hồ sơ 4430, 5670, 6372 năm 2021; hồ sơ số 2267, 2350 năm 2022).

- Tất cả hồ sơ giải quyết sau ngày 15/7/2020 đều ghi 01 ngày thông báo tìm kiếm việc làm của tháng thứ nhất hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là chưa đúng quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP và Khoản 4 Điều 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH.

- Bản sao sổ BHXH lưu trong hồ sơ của người lao động đã có xác nhận của Trung tâm về việc giải quyết hưởng TCTN nhưng chưa có chữ ký và đóng

dấu Trung tâm vào góc bên phải của xác nhận theo Mẫu số 21 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH (Hồ sơ số 1189, 5670 năm 2021; hồ sơ số 2267, 2350 năm 2022).

3. Tình hình quyết toán chi phí quản lý BHTN

Kinh phí quản lý BHTN từ nguồn Quỹ BHTN được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Việc làm) giao Trung tâm quản lý và sử dụng, cụ thể:

3.1. Năm 2021

a) Kinh phí được sử dụng năm 2021: 2.579.787.093 đồng, trong đó:

- Kinh phí được giao là: 2.514.110.000 đồng

- Kinh phí năm trước chuyển sang là: 65.677.093 đồng

b) Kinh phí giảm trừ trong năm: 113.511.000 đồng (giảm trừ 10% kinh phí chi thường xuyên theo Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ)

c) Kinh phí đã sử dụng hết nhiệm vụ chi năm 2021: 1.597.627.026 đồng

d) Số còn lại: 868.649.067 đồng, trong đó:

- Số chuyển sang năm sau sử dụng tiếp: 521.289.000 đồng

- Trích lập các quỹ: 347.360.067 đồng, gồm:

+ Quỹ bổ sung thu nhập, dự phòng ổn định thu nhập: 241.485.153 đồng

+ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 34.736.007 đồng

+ Quỹ khen thưởng: 0 đồng

+ Quỹ phúc lợi: 71.138.907 đồng

(Chứng từ kế toán năm 2021 đang được lưu trữ tại Cục Việc làm để thực hiện công tác phê duyệt quyết toán năm).

3.2. 06 tháng đầu năm 2022

- Kinh phí được sử dụng: 1.365.588.000 đồng, trong đó:

+ Kinh phí năm trước chuyển sang: 521.289.000 đồng

+ Kinh phí tạm giao 06 tháng đầu năm 2022: 844.299.000 đồng

- Kinh phí đã sử dụng 06 tháng đầu năm 2022: 457.374.734 đồng

- Kinh phí còn lại tiếp tục sử dụng năm 2022: 908.213.266 đồng

3.3. Các nội dung khác

Giám đốc Trung tâm đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ: Quyết định số 42/QĐ-DVVLKH ngày 06/02/2020 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020, Quyết định số 156/QĐ-DVVLKH ngày 05/5/2021 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, Quyết định số 11/QĐ-DVVLKH ngày 11/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022.

- Tiền lương đối với người lao động làm công tác BHTN đã được Trung tâm chi trả đầy đủ, đúng theo quy chế chi tiêu nội bộ.

- Trung tâm đã thực hiện đóng BHXH, BHTN, bảo hiểm y tế đầy đủ cho người lao động.

4. Tư vấn, giới thiệu việc làm

- Trung tâm đã bố trí 08 người làm công tác tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động hưởng chế độ BHTN tại trụ sở Trung tâm.

- 100% người lao động đang đóng BHTN bị chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có nhu cầu tìm kiếm việc làm đã được Trung tâm tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí.

- Số người được tư vấn giới thiệu việc làm là 22.769 người (năm 2021: 12.911 người; 06 tháng đầu năm 2022: 9.858 người).

- Số người hưởng BHTN được giới thiệu việc làm: 77 người (năm 2021: 62 người; 06 tháng đầu năm 2022: 15 người).

* Kiểm tra 50 phiếu tư vấn giới thiệu việc làm (Mẫu số 01 – Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015): Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm không ghi nội dung tại mục “Nhu cầu tư vấn, giới thiệu việc làm”, không thể hiện nhu cầu được tư vấn, giới thiệu việc làm của người thất nghiệp nhưng vẫn ký xác nhận của người đề nghị.

5. Hỗ trợ học nghề

5.1. Hỗ trợ học nghề cho người lao động

- Trong thời kỳ thanh tra có 01 cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lao động tham gia BHTN:

+ Số lượng lao động hưởng BHTN tham gia học nghề: 58 người (năm 2021: 40 người; 06 tháng đầu năm 2022: 18 người).

+ Số người hưởng TCTN được hỗ trợ học nghề/tổng số người hưởng TCTN là 58/8.407 người.

- Thời gian và mức hỗ trợ học nghề:

+ Thời gian hỗ trợ học nghề: từ 04 tháng đối với nghề lái xe ô tô hạng B2, 06 tháng đối với nghề lái xe ô tô hạng C.

+ Mức hỗ trợ học nghề: trước ngày 15/5/2021 là 01 triệu đồng/người/tháng, từ ngày 15/5/2021 là 1,5 triệu đồng/người/tháng.

- Thời hạn giải quyết hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề của người lao động: 20 ngày làm việc theo quy định tại Nghị định số 61/2020/NĐ-CP.

* Kiểm tra hồ sơ hỗ trợ học nghề:

- Hồ sơ hỗ trợ học nghề lưu giấy xác nhận về việc học viên tham gia học nghề (đối với trường hợp học viên không có giấy “Đề nghị không thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng”) là chưa đúng theo quy định tại khoản 12

Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (hồ sơ có Quyết định hưởng TCTN số 8313/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/12/2020).

- Sở ban hành quyết định về việc hủy quyết định hỗ trợ học nghề của người lao động chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/05/2020 của Chính phủ (hồ sơ ông Đặng Văn Tấn có Quyết định hỗ trợ học nghề số 6647/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/12/2021, Quyết định huỷ hưởng hỗ trợ học nghề số 1735/QĐ-SLĐTBXH ngày 16/02/2022).

5.2. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động

Trong thời kỳ thanh tra, không có đơn vị sử dụng lao động đề nghị được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

5.3. Việc thu hồi tiền hỗ trợ học nghề không đúng quy định

Trong thời kỳ thanh tra, số người phải thu hồi tiền hỗ trợ học nghề không đúng quy định là 01 người với số tiền phải thu hồi là 1.500.000 đồng, Sở đã thu hồi số tiền trên theo quy định.

6. Công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHTN

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở đã lồng ghép thanh tra thực hiện pháp luật BHTN trong 02 cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động.

- Trong thời kỳ thanh tra, Sở tiếp nhận 01 đơn khiếu nại về Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp. Sở đã giải quyết khiếu nại theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về BHTN đã được Sở và Trung tâm thực hiện

1.1. Đã thực hiện công tác tham mưu, ban hành các văn bản triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về BHTN trên địa bàn tỉnh.

1.2. Đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách pháp luật về BHTN với nội dung và hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú: phát tờ rơi, đăng báo, phóng sự trên truyền hình, bản tin trên hệ thống phát thanh của xã.

1.3. Đã phối hợp với cơ quan BHXH và các cơ quan, đơn vị có liên quan kịp thời giải quyết các chế độ, chính sách về BHTN trên địa bàn tỉnh.

1.4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ; thực hiện lưu trữ hồ sơ về BHTN theo quy định.

1.5. Đã thực hiện quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ về BHTN kịp thời, đúng quy định.

1.6. Quản lý, sử dụng kinh phí từ quỹ BHTN đúng quy định.

1.7. Đã tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động khi có nhu cầu.

1.8. Đã tổ chức tiếp nhận, giải quyết kịp thời hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề cho người lao động.

1.9. Công tác thanh tra, kiểm tra được lồng ghép vào hoạt động thanh tra, kiểm tra của Sở trong việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trên địa bàn.

1.10. Giải quyết khiếu nại về BHTN theo đúng quy định.

2. Những quy định của pháp luật về BHTN chưa được Sở và Trung tâm thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Tại Sở

2.1.1. Chưa chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thu hồi tiền hưởng TCTN không đúng quy định của 104 người với số tiền là 466.560.407 đồng theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

2.1.2. Ban hành quyết định hủy quyết định hỗ trợ học nghề của người lao động quá thời hạn (02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động hết hạn nhận quyết định) theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/05/2020 của Chính phủ, cụ thể: Quyết định hỗ trợ học nghề của ông Đặng Văn Tấn số 6647/QĐ-SLĐTBXH ngày 24/12/2021 nhưng đến ngày 16/02/2022 Sở mới ban hành Quyết định hủy quyết định hưởng hỗ trợ học nghề.

2.2. Tại Trung tâm

2.2.1. Thông báo về việc tìm kiếm việc làm chưa thực hiện theo Mẫu số 16 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2.2. Thông báo về việc tìm kiếm việc làm của người lao động chỉ tích vào ô không có việc làm, không ghi tên đơn vị, địa chỉ, người trực tiếp liên hệ, vị trí công việc dự tuyển và kết quả là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Hồ sơ số 4430, 5670, 6372 năm 2021; hồ sơ số 2267, 2350 năm 2022).

2.2.3. Hồ sơ giải quyết sau ngày 15/7/2020 chỉ ghi 01 ngày thông báo tìm kiếm việc làm của tháng thứ nhất hưởng trợ cấp thất nghiệp tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định hưởng TCTN là chưa đúng theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ và khoản 4 Điều 10 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2.4. Bản sao sổ BHXH lưu trong hồ sơ của người lao động đã có xác nhận của Trung tâm về việc giải quyết hưởng TCTN nhưng chưa có chữ ký và đóng dấu Trung tâm vào góc bên phải của xác nhận là chưa đúng theo hướng dẫn tại Mẫu số 21 ban hành kèm theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Hồ sơ số 1189, 5670 năm 2021; hồ sơ số 2267, 2350 năm 2022).

2.2.5. Phiếu tư vấn, giới thiệu việc làm không ghi nội dung tại mục “Nhu cầu tư vấn, giới thiệu việc làm”, không thể hiện nhu cầu được tư vấn, giới thiệu việc làm của người thất nghiệp là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.2.6. Hồ sơ hỗ trợ học nghề lưu giấy xác nhận về việc học viên tham gia khóa học nghề (đối với trường hợp học viên không có giấy “Đề nghị không thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng”) là chưa đúng theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 61/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ (Hồ sơ có Quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp 8313/QĐ-SLĐTBXH ngày 22/12/2020).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH TIẾN HÀNH THANH TRA

Không.

V. KIẾN NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu các đơn vị khắc phục thiếu sót nêu tại phần III Kết luận này như sau:

1. Đối với Giám đốc Sở

Khắc phục thiếu sót nêu tại khoản 2.1 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận.

2. Đối với Giám đốc Trung tâm

Khắc phục các thiếu sót nêu tại khoản 2.2 Mục 2 Phần III Kết luận thanh tra này.

Yêu cầu Giám đốc Sở gửi báo cáo (bằng văn bản) kết quả khắc phục các thiếu sót nêu tại Mục III Kết luận thanh tra về Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ: Số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội) trước ngày 10/11/2022. /.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH tỉnh Bạc Liêu (để t/h);
- Cục Việc làm (để p/h);
- Công TTĐT Bộ; trang TTĐT TTr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTr, hồ sơ TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Tiến Tùng

PHỤ LỤC SỐ 01: DANH MỤC VĂN BẢN

STT	Ký hiệu văn bản	Tên văn bản	Ngày ban hành
I	Văn bản của Tỉnh ủy		
	28-CTr/TU	Chương trình về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	24/7/2018
II	Văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh		
	1	Quyết định về việc thành lập Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển đối tượng tham gia và thu nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tỉnh Bạc Liêu	09/4/2021
	2	Quyết định kiện toàn Ban Chi đạo thực hiện pháp luật bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tỉnh Bạc Liêu	13/9/2021
	3	Quyết định về việc thay đổi thành viên Tổ công tác liên ngành thực hiện nhiệm vụ phát triển đối tượng tham gia và thu nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tỉnh Bạc Liêu	24/12/2021
	4	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội	05/11/2018
	5	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ và Chương trình số 28-CTr/TU ngày 24/7/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XV) về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	05/11/2018
6	Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2269/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp” trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	02/6/2021	
III	Văn bản của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		
	1	Quy chế phối hợp về việc thực hiện chính sách, pháp luật về Bảo hiểm thất nghiệp	21/4/2016
	2	Tờ trình v/v dự thảo Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quý bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	08/10/2021
3	Tờ trình v/v dự thảo Công văn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương thực hiện Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 14/10/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 từ Quý bảo hiểm thất nghiệp	20/10/2021	

PHỤ LỤC SỐ 02: DANH SÁCH THU HỒI HƯỞNG BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

STT	Họ và tên	Số số	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Văn Tuyên	9512000974	1	1,622,070	
2	Nguyễn Văn Hua	9301000602	2	5,277,780	
3	Huỳnh Trần Hồng Hạnh	7916563172	1	2,404,000	
4	Phan Thị Như ý	9513001283	1	1,922,790	
5	Nguyễn Văn Chính	9616008540	3	7,740,000	
6	Nguyễn Đặng Du	9511002142	3	5,737,770	
7	Trương Thị Lệ Chi	9610000835	3	18,738,000	
8	Nguyễn Thị Ngọc Nga	9415001226	1	1,824,480	
9	Võ Mỹ Ngọc	9512001080	1	2,033,960	
10	Nguyễn Trung Quốc	9516000513	1	2,118,921	
11	Lê Văn Sĩ	9522076042	1	2,820,000	
12	Quách Tuyết Trang	2616004713	1	3,188,000	
13	Quách Tấn Lực Nhi	9520848026	1	3,230,000	
14	Danh Tân	9514002676	1	1,751,400	
15	Nguyễn Văn Âu	7910399549	2	5,241,600	
16	Phạm Thị Kim Nền	9508003099	1	2,234,400	
17	Trương Tiếng Anh	7915057303	2	4,918,000	
18	Lê Trung Khuyên	9306001187	3	5,854,680	
19	Nguyễn Văn Tùng	4404001980	2	4,748,040	
20	Trần Văn Tuấn	9510001548	3	5,220,000	
21	Nguyễn Văn Dinh	9222459906	2	6,236,560	
22	Nguyễn Viễn Chinh	5997012818	2	8,727,840	
23	Lâm Cẩm Bình	9521186154	1	1,950,000	
24	Bùi Thị Vân	7415186835	2	6,328,000	
25	Nguyễn Thanh Tùng	7908308977	5	11,272,000	
26	Lê Công Thịnh	9215012476	2	5,700,000	
27	Đặng Hữu Duy	9516005330	2	4,358,400	
28	Trần Quốc Thịnh	8012037190	1	2,556,000	
29	Nguyễn Thị Bích Vân	9514002437	4	8,907,120	
30	Lương Chí Hùng	9521390935	2	4,684,800	
31	Nguyễn Ngọc Anh Thu	9521056961	2	3,900,000	
32	Trần Nhật Trường	7916084298	1	2,088,000	
33	Tạ Thanh Tiền	7913241716	2	15,799,200	
34	Hà Hải Bằng	9516009608	1	2,230,000	
35	Dương Chí Phương	9514001904	1	2,520,000	

36	Trần Đức Trọng	7916085966	1	2,206,500
37	Nguyễn Yên Nhi	9521928302	1	2,872,600
38	Huỳnh Mai Công Đình	9522025012	1	2,480,000
39	Sử Văn Vĩnh	9515001709	3	6,680,340
40	Trần Thị Lan Phương	9521197692	1	2,286,000
41	Diệp Đức Minh	9508002619	4	10,008,000
42	Nguyễn Kim Thương	9521273819	1	2,208,000
43	Lê Trung Kiên	9611003570	1	2,268,000
44	Nguyễn Chí Nguyễn	9521904471	1	2,764,800
45	Trần Yên Nhi	7915000399	1	2,775,000
46	Kim Nghĩa	9521693571	1	3,137,000
47	Nguyễn Thị Như Ý	9521280350	1	2,208,000
48	Lê Chí Cương	7416261494	1	2,952,000
49	Nguyễn Trường Sơn	9306000803	7	13,931,400
50	Tô Tuấn Khanh	9521685664	1	2,450,000
51	Phan Văn Huỳnh	7516163461	1	3,288,000
52	Lê Thành Lưu	9514000629	1	1,902,460
53	Trần Tuyết Mỹ	9512000682	3	3,456,900
54	Trần Văn Sển	7916432405	2	4,536,000
55	Hồ Văn Tôn	9521049346	1	3,073,800
56	Thạch Vũ Linh	2713023732	1	2,200,000
57	Thạch Thuận	9510000335	1	5,100,000
58	Hồ Trung Tín	9520869061	1	2,516,640
59	Sử Thị Thúy Vy	9516000920	3	5,970,600
60	Lê Vũ Trường	9520883930	1	2,517,000
61	Nguyễn Minh Kha	7916536030	1	2,220,000
62	Huỳnh Thị Thúy	7413237310	1	2,979,600
63	Trần Mỹ Xuyên	9515002643	3	7,416,000
64	Huỳnh Văn Nguyễn	9522092832	1	2,838,000
65	Nguyễn Thị Ái Mỹ	9510000646	1	2,517,000
66	Trần Chí Ngọc	9516003537	1	2,628,000
67	Nguyễn Huyền Diệu	9515000705	2	3,200,400
68	Bùi Như Ý	9302001068	1	4,489,200
69	Lê Thị Ngọc	9508000747	6	17,971,200
70	Nguyễn Thị Bé Như	9510001660	4	7,366,560
71	Trần Thị Ngọc Diễm	9514001098	4	6,651,360
72	Hứa Văn Dự Em	9512000821	5	9,715,600
73	Lê Quốc Đoàn	9511000655	2	7,564,800
74	Quách Quang Đại	9510000338	1	2,242,800
75	Lê Thị Thảo	6716002286	1	2,221,320

76	Lâm Ngọc Thắm	9515000719	1	1,825,200
77	Trương Văn Linh	9213006400	1	2,838,000
78	Ngô Kim Ngọc	9520852875	2	5,034,000
79	Ngô Văn Liέλ	7416032795	1	2,662,160
80	Trương Chí Cường	7416320186	1	3,156,000
81	Trần Phước Vinh	7916433725	1	3,600,000
82	Nguyễn Cẩm Tú	9520982426	1	3,066,000
83	Trần Thị Thanh Đăng	9515003350	3	3,884,400
84	Nguyễn Văn Kỳ	9512000059	3	6,030,000
85	Lê Chí An	9515000061	3	5,643,000
86	Lý Ngọc Bích	9515000458	1	1,669,200
87	Hứa Văn Giang	9522175661	1	6,187,840
88	Huỳnh Thanh Tuấn	9303000756	5	15,466,200
89	Trương Vũ Trường	7912021468	1	3,129,600
90	Quách Kim Thảo	9521414700	1	3,129,675
91	Nguyễn Hải Thanh	9516007224	1	2,091,960
92	Tạ Thành Tường	9522157483	1	2,934,200
93	Nguyễn Minh Quân	8925386494	1	2,400,000
94	Sơn Thị Hồng Vàng	7516198784	1	4,255,701
95	Đặng Công Bằng	7416167587	1	2,837,640
96	Đinh Quốc Phong	9302001046	1	4,614,480
97	Phạm Chí Thanh	9520873208	2	5,959,200
98	Nguyễn Đức Thịnh	9616000647	2	3,764,000
99	Lưu Tú Vi	9521424785	1	2,922,940
100	Dương Văn Danh	9522009716	2	4,609,920
101	Nguyễn Tiểu Ngọc	9521692233	1	2,590,700
102	Trần Ngọc Huỳnh Mai	9508000289	1	1,719,900
103	Danh Lâm	9515003448	1	2,700,000
104	Bùi Thị Khánh	9510002431	1	2,143,800
Tổng số				466,560,407

